

Số: 002661 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 01760.18

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, Q.7, TP.HCM
Tên mẫu : SỮA CHUA KHÔNG ĐƯỜNG KEFIR - VINAMILK (S-SCA-03)
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 hộp x 100 g
Ngày nhận mẫu : 24/01/2018
Người gửi mẫu : Trần Phương Nguyên
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	<i>Listeria monocytogenes</i>	TCVN 7700-2:2007 [ISO 11290-2:1998 with Amendment 1:2004]	< 10 CFU /g	24/01/2018

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM

Ths. Nguyễn Đức Thịnh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2018

VIỆN TRƯỞNG



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Ts.Bs. Phùng Đức Nhật



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 01762.18



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, Q.7, TP.HCM
Tên mẫu : SỮA CHUA KHÔNG ĐƯỜNG KEFIR - VINAMILK (S-SCA-03)
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 04 hộp x 100 g
Ngày nhận mẫu : 24/01/2018
Người gửi mẫu : Trần Phương Nguyên
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS (a)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	25/01/2018
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (a)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	25/01/2018
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.04/TT.AAS - Modify AOAC 971.21:2012 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,020 mg/kg	25/01/2018
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS (a)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	25/01/2018
5	Antimon (Sb)	HD.PP.05/TT.AAS-Ref. AOAC 964.16 - 2012	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	25/01/2018
6	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (a)	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	30/01/2018
7	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	26/01/2018

Mã số mẫu: 01762.18

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Y tế, Bộ Công thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2018

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM**

VIỆN TRƯỞNG



Ths. Nguyễn Đức Thịnh



PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Ts.Bs. Phùng Đức Nhạ



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 01763.18

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, Q.7, TP.HCM
Tên mẫu : SỮA CHUA KHÔNG ĐƯỜNG KEFIR - VINAMILK (S-SCA-03)
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 10 hộp x 100 g
Ngày nhận mẫu : 24/01/2018
Người gửi mẫu : Trần Phương Nguyên
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Clenbuterol	Ref. CLG-AGON1.08	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	30/01/2018
2	Cyfluthrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,03 mg/kg	30/01/2018
3	Cyfluthrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	30/01/2018
4	Cyhalothrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 20 µg/kg	30/01/2018
5	Cypermethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	30/01/2018
6	Cypermethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 40 µg/kg	30/01/2018
7	Deltamethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 20 µg/kg	30/01/2018
8	Deltamethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	30/01/2018
9	Endosulfan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
10	Bifenthrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	30/01/2018
11	Chlorpyrifos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	30/01/2018
12	Chlorpyrifos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
13	Diclorvos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	30/01/2018

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

Mã số mẫu: 01763.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
14	Dimethoate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	30/01/2018
15	Disulfoton	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
16	Ethephon	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	29/01/2018
17	Fipronil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	30/01/2018
18	Lindan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
19	Methidathion	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0005 mg/kg	30/01/2018
20	Aldrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
21	Dieldrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
22	Chlordane	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	30/01/2018
23	DDT	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	30/01/2018
24	Diazinon	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	30/01/2018
25	Diphenylamin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	31/01/2018
26	Fenpropathrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	30/01/2018
27	Fenvalerate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	30/01/2018
28	Heptachlor	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
29	Permethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	30/01/2018
30	Phorate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
31	Piperonyl butoxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	30/01/2018
32	Benzylpenicillin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	28/01/2018
33	Procain benzylpenicilin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	28/01/2018
34	Clortetracyclin	Ref. AOAC 995.09	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/kg	27/01/2018
35	Oxytetracyclin	Ref. AOAC 995.09	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/kg	27/01/2018
36	Tetracyclin	Ref. AOAC 995.09	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/kg	27/01/2018
37	Dihydrostreptomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	27/01/2018
38	Streptomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	27/01/2018
39	Gentamicin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	27/01/2018



Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
40	Spiramycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 5 µg/kg	28/01/2018
41	Ceftiofur	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	29/01/2018
42	Lincomycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	29/01/2018
43	Neomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 150 µg/kg	27/01/2018
44	Pirlimycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	29/01/2018
45	Spectinomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	27/01/2018
46	Sulfadimidin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	29/01/2018
47	Diminazen	Ref. J.AOAC, Vol 86, (2003)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	29/01/2018
48	Doramectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	27/01/2018
49	Eprinomectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	27/01/2018
50	Febantel	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	30/01/2018
51	Fenbendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	30/01/2018
52	Oxfendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	30/01/2018
53	Imidocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	30/01/2018
54	Isometamidium	Ref. J.Chroma.B, 879 (2011)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	29/01/2018
55	Ivermectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	27/01/2018
56	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	30/01/2018
57	Trichlorfon (Metrifonat)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	30/01/2018
58	Abamectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	30/01/2018
59	Acephate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	30/01/2018
60	Aldicarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
61	Aminopyralid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	30/01/2018
62	Amitraz	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
63	2,4-D	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	29/01/2018
64	Bentazone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	29/01/2018
65	Bifenazate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018

Mã số mẫu: 01763.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
66	Bitertanol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	30/01/2018
67	Carbaryl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	30/01/2018
68	Carbendazim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	30/01/2018
69	Carbofuran	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	30/01/2018
70	Carbosulfan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	30/01/2018
71	Chlormequat	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,15 mg/kg	30/01/2018
72	Chlorpropham	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0004 mg/kg	30/01/2018
73	Clethodim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	30/01/2018
74	Clofentezine	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	30/01/2018
75	Cyhexatin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	30/01/2018
76	Cyprodinil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	30/01/2018
77	Cyromazin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
78	Difenoconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	30/01/2018
79	Dimethenamid-p	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
80	Dimethipin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
81	Dimethomorph	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
82	Diquat	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	30/01/2018
83	Dithiocarbamate	Ref. CRL, Version 2 (2009)	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	30/01/2018
84	Ethoprophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
85	Fenamiphos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	30/01/2018
86	Fenbuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	30/01/2018
87	Fenbutatin oxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	30/01/2018
88	Fenpropimorph	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
89	Fludioxonil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
90	Flutolanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	30/01/2018
91	Glufosinat-ammonium	Ref. EUL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/01/2018



Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
92	Imidacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	30/01/2018
93	Indoxacarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	30/01/2018
94	Kresoxim-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
95	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	30/01/2018
96	Methomyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	30/01/2018
97	Methoxyfenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
98	Myclobutanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
99	Novaluron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,2 mg/kg	30/01/2018
100	Oxamyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	30/01/2018
101	Oxydemeton-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
102	Paraquat	Ref. EURL-SRM, version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	31/01/2018
103	Penconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
104	Pirimicarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
105	Pirimiphos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
106	Prochloraz	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	30/01/2018
107	Profenofos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
108	Propamocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
109	Propiconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
110	Pyraclostrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	30/01/2018
111	Pyrimethanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
112	Quinoxifen	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
113	Spinosad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 mg/kg	30/01/2018
114	Tebuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
115	Tebufenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
116	Terbufos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
117	Thiacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	30/01/2018

Mã số mẫu: 01763.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
118	Triadimefon	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
119	Triadimenol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
120	Trifloxystrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	30/01/2018
121	Vinclozolin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	30/01/2018
122	Dicofol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	30/01/2018
123	Diflubenzuron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	30/01/2018
124	Famoxadone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	30/01/2018
125	Fenhexamid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	30/01/2018
126	Fenpyroximate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	30/01/2018
127	Flumethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	30/01/2018
128	Flusilazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	30/01/2018
129	Methoprene	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	30/01/2018
130	Propargite	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	30/01/2018

Ghi chú:

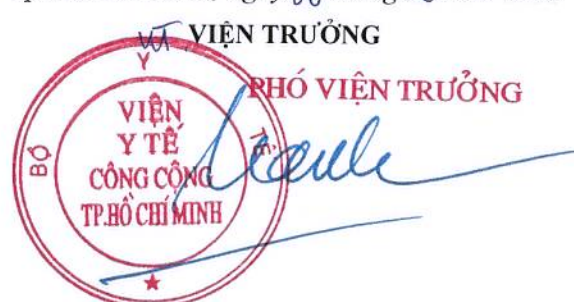
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2018

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM**



Ths. Nguyễn Đức Thịnh



Ths. Bs Phạm Kim Anh